

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Lục Việt Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2020 về việc “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Đặng Hải Y, sinh năm 1988 (có mặt).

Trú quán: Thôn S, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ *Bị đơn:* Anh Cao Đăng Q, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Đặng Thị Y trình bày: Chị kết hôn với anh Cao Đăng Q vào ngày 14/9/2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vì vậy vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Y xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Cao Ngọc A sinh ngày 28/3/2008 và Cao Ngọc N sinh ngày 17/01/2010 nay 2 con chung đang ở với chị Y, nay ly hôn chị Y xin nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu anh Q đóng góp nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Q đến làm việc nhưng anh Q không chấp hành qua xác minh tại gia đình ông

Cao Đăng L là bố đẻ anh Q cho biết vợ chồng chị Y kết hôn năm 2007 chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn, Chị Y là giáo viên dạy lái xe muốn góp tiền mua xe chung với người khác để đi dạy lái nhưng anh Q ghen tuông không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tết năm 2018 đầu năm 2019 anh Q bỏ đi làm ăn từ đó đến nay, gia đình không biết địa chỉ cụ thể anh Q ở đâu, chỉ liên lạc với anh Q qua mạng Zalo, gia đình có hỏi nhưng anh Q không nói rõ nên gia đình không nắm được. Anh Q đi làm ăn thỉnh thoảng liên lạc về nhà qua mạng nên không biết địa chỉ và số điện thoại. Khi gia đình nhận được thông báo thụ lý vụ án có gọi và thông báo cho anh Q thì anh Q chỉ nói việc chị Y xin ly hôn tự giải quyết một mình, anh đi làm ăn xa không về được.

Về con chung vợ chồng chị Y, anh Q có 2 con chung là Cao Ngọc Asinh ngày 28/3/2008 và Cao Ngọc N, sinh ngày 7/01/2010 nay các cháu đang ở với chị Y, khi ly hôn Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Về tài sản, công nợ của vợ chồng chị Y ông không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án làm công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác minh anh Cao Đăng Q có xuất cảnh ra nước ngoài không. Tại công văn số 13809 ngày 17/8/2020 của Cục xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Cao Đăng Q không có thông tin về việc xuất nhập cảnh tại cục quản lý xuất nhập cảnh. Tòa án đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không thấy anh Q về giải quyết việc ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Hải Y: Xử cho chị Y được ly hôn anh Q

- Về con chung giao cả 2 con chung cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên không xem xét

Về tài sản, công nợ chị Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tiền án phí chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Đặng Hải Y và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Cao Đăng Q có địa chỉ Đ, Đ, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh Q đã được gia đình thông báo, Tòa án đã đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại đại phương nhưng anh Q không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 12/10/2020 anh Q vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay 28/10/2020 anh Q vắng mặt. Căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Cao Đăng Q.

[2] Về nội dung: Chị Đặng Hải Y kết hôn cùng anh Cao Đăng Q ngày 14/9/2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Qua lời khai của chị Y, cũng như lời khai của ông Cao Đăng L là bố anh Cao Đăng Q đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chị Y, anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn, ghen tuông, không tin tưởng nhau vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được lên yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Hải Y là có căn cứ chấp nhận: Cần áp dụng điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Đặng Hải Y được ly hôn anh Cao Đăng Q.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Cao Ngọc Anh, sinh ngày 28/3/2008 và Cao Ngọc Nam, sinh ngày 17/01/2010. Nay các cháu đang ở với chị Y, các cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường, 2 cháu có nguyện vọng ở với chị Y; Anh Q không có mặt tại địa phương do vậy cần giao 2 con chung cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện q này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

Về q kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, điểm b, khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Hải Y được ly hôn với anh Cao Đăng Q

Về con chung Giao cho chị Đặng Hải Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 2 con chung là Cao Ngọc A, sinh ngày 28/3/2008 và Cao Ngọc N, sinh ngày 17/01/2010 anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh Q không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chị Y không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tiền án phí: Chị Đặng Hải Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002317 ngày 19/5/2020 do Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Công thông tin điện tử Tòa án Tối cao.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh

